

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 301

- Câu 41.** Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là
A. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển. B. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.
C. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động. D. tăng cường giao lưu kinh tế, văn hóa các đảo.
- Câu 42.** Ngành dịch vụ vùng Đông Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?
A. Sự phát triển tách rời xu thế mở cửa và hội nhập.
B. Cơ sở hạ tầng và hoạt động dịch vụ chưa đa dạng.
C. Chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế của vùng.
D. Dẫn đầu cả nước về sự tăng trưởng và phát triển.
- Câu 43.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có nhiệt độ trung bình các tháng luôn dưới 20°C?
A. Sa Pa. B. Điện Biên Phủ. C. Lạng Sơn. D. Hà Nội.
- Câu 44.** Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh học ở nước ta là
A. chiến tranh tàn phá. B. biến đổi khí hậu.
C. phát triển nông nghiệp. D. săn bắt động vật.
- Câu 45.** Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là để
A. khai thác tốt hơn thế mạnh về khoáng sản. B. sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lao động.
C. phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường. D. tận dụng tối đa nguồn vốn từ nước ngoài.
- Câu 46.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ số 8 đi qua cửa khẩu nào sau đây?
A. Nậm Cắn. B. Tây Trang. C. Cầu Treo. D. Cha Lo.
- Câu 47.** Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết cây chè được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?
A. Lâm Đồng. B. Đắk Nông. C. Kon Tum. D. Đắk Lắk.
- Câu 48.** Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống
A. lở đất. B. trượt đất. C. xói mòn. D. cháy rừng.
- Câu 49.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay nào sau đây thuộc Tây Nguyên?
A. Đông Tác. B. Phù Cát. C. Cam Ranh. D. Liên Khương.
- Câu 50.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây đổ ra biển qua cửa Hội?
A. Sông Thu Bồn. B. Sông Bến Hải. C. Sông Gianh. D. Sông Cà.
- Câu 51.** Cho bảng số liệu sau:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Dân số (triệu người)	271,7	15,5	32,8	109,6
Dân thành thị (%)	56,7	23,8	76,6	47,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

- Căn cứ bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có số dân nông thôn ít nhất?
A. Ma-lai-xi-a. B. Cam-pu-chia. C. Phi-lip-pin. D. In-đô-nê-xi-a.
- Câu 52.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta nằm ở vĩ độ thấp nhất?

- A. Cà Mau. B. Hà Giang. C. Điện Biên D. Khánh Hòa

Câu 53. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Đà Rằng (trạm Củng Sơn) vào tháng nào?

- A. Tháng 9. B. Tháng 12. C. Tháng 10. D. Tháng 11.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 500.001 - 1.000.000 người?

- A. Biên Hòa. B. Hải Phòng. C. Thái Nguyên. D. Quảng Ngãi.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết nhà máy nhiệt điện Na Dương thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn. B. Hà Giang. C. Quảng Ninh. D. Cao Bằng.

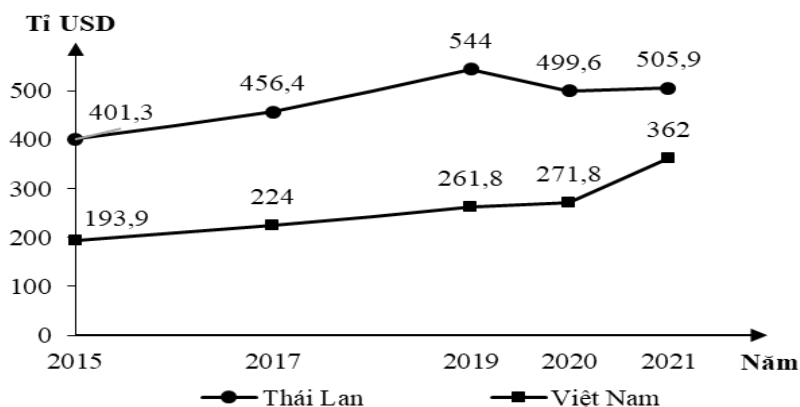
Câu 56. Ngành công nghiệp sản xuất rượu, bia, nước ngọt của nước ta phân bố tập trung ở

- A. khu vực cảng biển. B. gần các cửa khẩu.
C. khu vực đồi núi. D. các đô thị lớn.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có tỷ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực thấp nhất vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Nam Định. B. Thái Bình. C. Hà Nam. D. Vĩnh Phúc.

Câu 58. Cho biểu đồ sau:



TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi tổng sản phẩm trong nước năm 2021 so với năm 2015 của Thái Lan và Việt Nam?

- A. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan. B. Thái Lan tăng nhiều hơn Việt Nam.
C. Thái Lan tăng và Việt Nam giảm. D. Việt Nam tăng và Thái Lan giảm.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây đồng cấp với nhau?

- A. Phúc Yên và Nam Định. B. Sóc Trăng và Hạ Long.
C. Thanh Hóa và Cẩm Phả. D. Phan Thiết và Nha Trang.

Câu 60. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đỉnh núi nào sau đây nằm trên cánh cung Đông Triều?

- A. Phia Uất. B. Tam Đảo. C. Yên Tử. D. Mẫu Sơn.

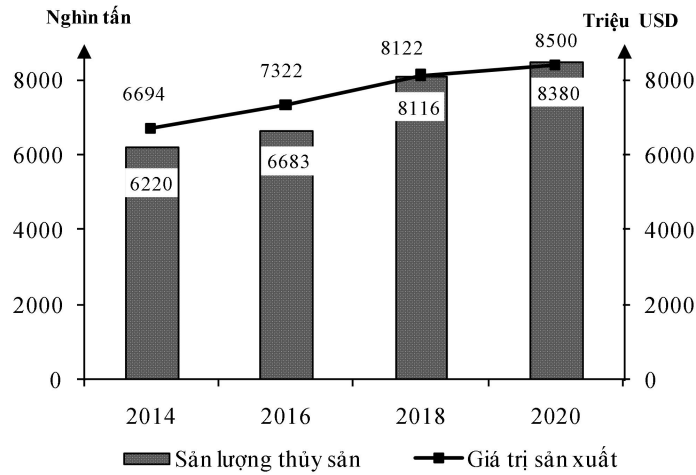
Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Nha Trang. B. Thanh Hóa. C. Huế. D. Đà Nẵng.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch Huế **không** có tài nguyên du lịch nào sau đây?

- A. Di sản thiên nhiên thế giới. B. Thắng cảnh, du lịch biển.
C. Di sản văn hóa thế giới. D. Di tích lịch sử cách mạng.

Câu 63. Cho biểu đồ về thủy sản nước ta giai đoạn 2014 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô sản lượng thủy sản và giá trị xuất khẩu thủy sản.
- B. Thay đổi cơ cấu sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản.
- C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản.
- D. Quy mô, cơ cấu sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản.

Câu 64. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc tài nguyên du lịch nhân văn?

- A. Ba Bè.
- B. Ba Tơ.
- C. Pù Mát.
- D. Đồ Sơn.

Câu 65. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. nuôi thủy sản, chắn gió bão, tạo thế kinh tế liên hoàn theo không gian.
- B. điều hoà dòng chảy, hạn chế sạt lở, nuôi dưỡng nguồn gen quý hiếm.
- C. bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế thiên tai, khai thác tốt thế mạnh.
- D. phát triển kinh tế vườn rừng, tạo nhiều việc làm, tăng nguồn thu nhập.

Câu 66. Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ nước ta đã tạo nên

- A. tài nguyên khoáng sản phong phú.
- B. khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh.
- C. sự phân hóa đa dạng của tự nhiên.
- D. địa hình có tính phân bậc rõ rệt.

Câu 67. Cán cân ngoại thương của nước ta trong những năm gần đây xuất siêu chủ yếu do

- A. thị trường xuất khẩu rộng, nhu cầu nhập khẩu giảm, vốn đầu tư tăng.
- B. thị trường nhập khẩu thu hẹp, xuất khẩu tăng, giao thông thuận lợi.
- C. thu hút đầu tư, sản xuất trong nước phát triển, xuất khẩu tăng nhanh.
- D. nhu cầu nhập khẩu giảm, thị trường mở rộng, giao thông cải thiện.

Câu 68. Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đẩy mạnh lai tạo giống, đảm bảo nguồn thức ăn, phòng chống dịch.
- B. chăn nuôi theo hướng tập trung, đảm bảo tốt chuồng trại, thức ăn.
- C. phát triển trang trại, đảm bảo nguồn thức ăn, đẩy mạnh chế biến.
- D. cải tạo các đồng cỏ, đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng thương hiệu.

Câu 69. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. khai thác thế mạnh tự nhiên, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập.
- B. tạo thế mở cửa, thay đổi sự phân bố dân cư, giải quyết tốt vấn đề việc làm.
- C. tăng năng lực vận chuyển, thu hút vốn đầu tư, hình thành khu công nghiệp.
- D. phát triển tổng hợp kinh tế biển, hình thành mạng lưới đô thị, tăng giao lưu.

Câu 70. Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- B. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
- C. góp phần hiện đại hoá sản xuất và bảo vệ môi trường.
- D. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.

Câu 71. Vận tải đường biển ở nước ta hiện nay

- A. có khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất.
- B. phát triển mạnh nhất tuyến đường xuyên Á.

C. không ảnh hưởng đến các ngành kinh tế khác. D. đã hình thành nhiều cụm cảng quan trọng.

Câu 72. Tình trạng hạn hán ở Đồng bằng sông Cửu Long dẫn đến hệ quả là

- A. biến đổi khí hậu, gia tăng xâm nhập mặn, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.
- B. diện tích rừng ngập mặn và vùng sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp nhanh.
- C. biến đổi khí hậu, tình trạng cháy rừng và diện tích nuôi tôm bị ảnh hưởng.
- D. xâm nhập mặn lấn sâu, sụt lún vùng ngọt, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.

Câu 73. Phát biểu nào sau đây đúng về ngành trồng trọt của nước ta hiện nay?

- A. Chè trồng nhiều nhất ở Bắc Trung Bộ. B. Cao su trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên.
- C. Cây ăn quả chiếm tỉ trọng giá trị cao nhất. D. Cơ cấu cây trồng đang có nhiều thay đổi.

Câu 74. Biện pháp chủ yếu để tăng khối lượng nông sản hàng hóa ở Tây Nguyên là

- A. đẩy mạnh chuyên môn hóa, tăng cường thu hút nguồn đầu tư.
- B. phát triển vùng chuyên canh, đẩy mạnh công nghiệp chế biến.
- C. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- D. thúc đẩy sản xuất thâm canh, sử dụng thêm nhiều giống mới.

Câu 75. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của

- A. thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, địa hình gồm các núi thấp, gió mùa.
- B. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
- C. vị trí xa xích đạo, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, địa hình đa dạng.
- D. thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí gần vùng ngoại chí tuyến.

Câu 76. Khai thác thủy sản của nước ta hiện nay

- A. tăng nhanh hơn nuôi trồng. B. phát triển ở tất cả các tỉnh.
- C. chỉ tập trung đánh bắt ven bờ. D. có sản lượng ngày càng tăng.

Câu 77. Việc hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu là

- A. sản xuất hàng xuất khẩu, phân bố lại dân cư và lao động.
- B. tập trung phát triển công nghiệp, mở rộng thị trường tiêu thụ.
- C. tăng cường chất lượng nguồn lao động và hội nhập quốc tế.
- D. thu hút các nguồn đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 78. Vùng núi và cao nguyên nước ta có dân cư thưa thớt chủ yếu là do

- A. giao thông khó khăn, kinh tế chậm phát triển. B. khí hậu khắc nghiệt, cơ sở vật chất nghèo nàn.
- C. lịch sử khai thác muộn, trình độ dân trí thấp. D. đô thị hóa diễn ra chậm, ít các thành phố lớn.

Câu 79. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020 (Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Khai thác	Nuôi trồng
2010	2414,4	2728,3
2015	3049,9	3532,2
2018	3606,3	4162,8
2020	3863,7	4633,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền. C. Đường. D. Cột.

Câu 80. Nguyên nhân cơ bản khiến tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta còn khá cao là

- A. tính chất mùa vụ của sản xuất nông nghiệp, nghề phụ kém phát triển.
- B. hoạt động công nghiệp, dịch vụ còn chưa phát triển mạnh.
- C. thu nhập của người dân thấp, chất lượng cuộc sống không cao.
- D. cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông phát triển còn hạn chế.

-----HẾT-----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ MÔN ĐỊA LÍ

Câu/Mã đề	301	302	303	304	305	306
41	B	D	C	B	C	B
42	D	A	C	A	C	D
43	A	A	C	B	D	B
44	B	C	D	C	A	C
45	C	C	C	A	D	B
46	C	D	D	C	B	D
47	A	D	D	B	B	D
48	D	C	D	B	B	A
49	D	D	D	D	B	B
50	D	B	A	A	A	B
51	A	D	C	B	C	D
52	A	A	A	C	B	A
53	D	A	A	C	D	D
54	A	B	A	A	C	B
55	A	C	D	B	A	A
56	D	A	B	A	A	C
57	D	A	C	C	B	B
58	A	D	C	C	A	D
59	C	C	C	D	C	C
60	C	D	A	D	C	D
61	C	B	A	B	D	B
62	A	B	B	B	D	D
63	A	A	D	D	B	D
64	B	B	B	C	D	D
65	C	D	A	A	B	B
66	C	C	D	A	B	D
67	C	D	A	B	A	C
68	C	B	A	D	D	B
69	C	D	B	A	C	D
70	A	D	B	A	B	B
71	D	B	C	C	B	D
72	D	C	D	B	D	B
73	D	A	B	A	A	A
74	B	A	D	C	C	A
75	D	B	C	C	D	B
76	D	C	D	B	C	B
77	D	A	B	C	D	C
78	A	A	A	B	C	A
79	D	D	A	D	C	A
80	B	B	A	B	D	B